

Số: 84 /TM-KHVL

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Nhà cung cấp

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học công nghệ số số 187/HĐ-VHL ngày 31/12/2024 giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Khoa học vật liệu về việc thực hiện nội dung nghiên cứu nhiệm vụ “Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc hạng II về nghiên cứu chế tạo và biến tính vật liệu bằng công nghệ Plasma định hướng ứng dụng trong năng lượng và môi trường”; mã số NCXS02.02/25-26.

Hiện tại, Viện Khoa học vật liệu đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất năm 2025 cho đề tài mã số NCXS02.02/25-26.

Viện Khoa học vật liệu kính mời Nhà cung cấp báo giá vật tư hóa chất theo các nội dung sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm (Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,... Bên mua không phải trả thêm bất kỳ một chi phí nào).
- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm.
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 14 giờ 00 phút ngày 03/9/2025.
- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng Tiếng Việt (Mẫu báo giá theo Phụ lục đính kèm).
- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (đã ký, đóng dấu).
- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Quản lý tổng hợp - Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0243 7568870.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, H2.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số 84 /TM-KHVL ngày 26/ 8/2025 của Viện Khoa học vật liệu)

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

ST T	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãn g sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Potassium permanganate (KMnO ₄)						Độ sạch ≥ 99%	Lọ 500 g	1			
2	Potassium hydroxide (KOH)						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 500 g	1			
3	Potassium hexacyanoferrate (III) (K ₃ Fe(CN) ₆)						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 500 g	1			
4	Potassium hexacyanoferrate trihydrate (K ₄ Fe(CN) ₆ .3H ₂ O)						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 500 g	1			
5	Tannic acid						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 100 g	1			
6	3-aminopropyltriethoxysilane (APTES)						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 500 ml	1			
7	Citric acid monohydrate						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 500 g	1			
8	Gallic acid monohydrate						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 100 g	1			
9	Methylene blue trihydrate						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 25 g	4			
10	Rhodamine B						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 25 g	4			
11	Gold chloride trihydrate (HAuCl ₄)						Độ sạch ≥ 99.9%	Lọ 1 g	3			



ST T	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãn g sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Silver nitrate (AgNO ₃)						Độ sạch ≥ 99.0%	Lọ 25 g	2			
13	Sodium borohydride (NaBH ₄)						Bột, Độ sạch ≥ 98.0%	Lọ 25 g	2			
14	Sodium citrate tribasic dihydrate						Độ sạch ≥ 99.9%	Lọ 25 g	2			
15	Dopamine hydrochloride						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 10g	1			
16	Bovine serum albumin						Độ sạch ≥ 98%	Lọ 1g	1			
17	Cobalt(II) nitrate hexahydrate (Co(NO ₃) ₂ .6H ₂ O)						Độ sạch ≥ 99%	Lọ 100 g	1			
18	Isopropanone						Độ sạch ≥ 90%	Chai 500 ml	3			
19	Acetone						Độ sạch ≥ 99.5%	Chai 500 ml	6			
20	Ethanol						Độ sạch ≥ 99%	Chai 500 ml	30			
21	Bột Niken (Ni)						Độ sạch ≥ 95%	Túi 500 g	3			
22	Bột Đồng (Cu)						Độ sạch ≥ 95%	Túi 1 kg	15			
23	Bột Magie (Mg)						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 250 g	15			
24	Bột titan (Ti)						Độ sạch ≥ 95%	Túi 500 g	3			
25	Bột Cobalt (Co)						Độ sạch ≥ 95%	Lọ 500 g	3			
26	Bột đồng oxit (CuO)						Độ sạch ≥ 95%	Túi 1 kg	15			

ST T	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
27	Bột magie oxit (MgO)						Độ sạch $\geq 95\%$	Túi 250 g	15			
28	Cobalt foam (Co)						Độ sạch $\geq 99\%$	Tấm 5x5x5 cm	1			
29	Cobalt foil (Co)						Độ sạch $\geq 99\%$	Tấm 0.1x100x100 mm	1			
30	Bộ mài điện cực						Bột Al ₂ O ₃	Bộ	1			
31	Điện cực Ag/AgCl						Dung dịch KCl 3.5 M	Chiếc	3			
32	Điện cực glassy carbon						Lõi carbon, vỏ Teflon,	Chiếc	3			
33	Điện cực Platinum (Pt)						Pt $\geq 99\%$, vỏ teflon	Chiếc	3			
34	FTO						7 Ω /sq	Tấm 300x300x2, 2 mm	2			
35	Ống thạch anh Ø 40						Thạch anh chịu nhiệt	Ống 1 m	1			
36	Teflon (PTFE)						Nhựa PTFE, tỉ trọng 2.4kg/cm ³	Cây 1 m	1			
37	Đầu dò 4 điểm						Khoảng cách kim 2 mm	Chiếc	1			
38	Cuộn nhựa PLA						Nhựa polylactic acid sợi 1.75 mm	Cuộn 1kg	3			
39	Khâu trang 3M N100						Lớp lọc N100	Thùng 20 cái	10			



ST T	Tên vật tư, hóa chất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãn g sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng	Mã HS	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
40	Camera ảnh nhiệt						Dải nhiệt - 20~550°C	Chiếc	1			
41	Giấy Parafilm						- Màng parafilm nhiệt dẻo - Kích thước 4 inches x 125 feet (10 cm x 38.1 m)	Cuộn	3			
42	Bình khí Ar						Độ sạch 99,99%	Bình 40 lít	4			
43	Khí Ar (thay khí)						Độ sạch 99,99%	40 lít	25			
44	Bình khí N2						Độ sạch 99,99%	Bình 40 lít	8			
45	Khí N2 (thay khí)						Độ sạch 99,99%	40 lít	60			
46	Bình khí O2						Độ sạch 99,99%	Bình 40 lít	2			
	Tổng cộng:											

Ghi chú: Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về Hiệu lực của báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng; Bảo hành hàng hóa và các điều kiện khác (nếu có).

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
 (Ký, đóng dấu)